TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2023/HN-ST
Ngày: 07/3/2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Lê Văn Minh**
+ Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 389/2022/TLST-HN ngày 21/10/2022 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **DƯƠNG THANH THU N,** sinh năm xxxx; Địa chỉ: T, phường X, quận Y ,thành phố H (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **LÊ HÙNG T,** sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thanh Thu N trình bày***: chị và anh T cưới nhau vào năm 2017 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2019. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên đi chơi qua đêm không về nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ con và anh T đi nhậu về chửi bới đánh chị. Chị và anh T ly thân nhau từ

tháng 02/2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày xxxx và Lê Gia P, sinh ngày xxxx. Hiện con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Hùng T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị N yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày xxxxvà Lê Gia P, sinh ngày xxxx, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2019, nay chị N xin ly hôn với anh T. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn". Bị đơn anh Lê Hùng T trú tại địa chỉ: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Dương Thanh Thu N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Hùng T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thanh Thu N Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị N yêu cầu xin ly hôn với anh T do quá trình chung sống do anh T thường xuyên đi chơi qua đêm không về nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ con và anh T đi nhậu về chửi bới đánh chị. Chị N và anh T có thời gian ly thân từ tháng 02/2022 đến

nay, trong thời gian ly thân chị và anh T đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N, chứng tỏ anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày xxxxvà Lê Gia P, sinh ngày xxxx. Hiện con đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu D và cháu P hiện đang sống ổn định với chị N và anh T cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con của chị N nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu D và cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu này của chị N là có cơ sở vì Hội đồng xét xử giao chị N nuôi dưỡng cháu D và cháu P. Anh T không trực tiếp nuôi con nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng, xét thấy số tiền cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cũng đảm bảo cho cuộc sống cháu D và cháu P cũng như phù hợp với khả năng của anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thanh Thu N.

[1] Về hôn nhân: Chị Dương Thanh Thu N được ly hôn với anh Lê Hùng T.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Lê Mỹ D, sinh ngày xxxxvà Lê Gia P, sinh ngày xxxx cho chị Dương Thanh Thu N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được. Anh Lê Hùng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được.

Chị N và anh T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác

[3] Về án phí: Chị Dương Thanh Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0028158 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị N đã nộp xong án phí.

Anh Lê Hùng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Bình Ân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên